

Bản án số: 10/2021/ HNGĐ – ST.

Ngày: 05- 02 – 2021.

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Phan Thị Nhâm.

2/ Ông Nguyễn Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lại– Thư ký Tòa án nhân dân huyện H1 , tỉnh Bình Thuận.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H1, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 432/2020/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020. Về việc: “*Ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2020/QĐXXST– HNGĐ Ný 21/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Bà Huỳnh Thị C – Sinh năm 1975.

Bị đơn : Ông Huỳnh Văn N – Sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 19/8/2020 và tại khai nguyên đơn bà Huỳnh Thị C trình bày: Bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Huỳnh Văn N. Bà với ông N cưới nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Việc cưới nhau là do hai bên tự tìm hiểu. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau tại thôn 6, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N có người phụ nữ khác, không chung thủy với bà. Sự việc xảy ra rất nhiều lần trước đó, mặc dù bà nói chuyện và tha thứ cho ông N hết lần này đến lần khác nhưng ông N vẫn không thay đổi.

Thậm chí hiện nay ông N còn công khai ăn ở với người khác, thỉnh thoảng mới ghé về nhà. Gần một năm nay bà với ông N không còn nói chuyện với nhau nữa, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Bà nhận thấy giữa bà với ông N không còn tình cảm gì, cũng không thể quay về chung sống với nhau nữa. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Văn N.

Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cùng Ch quyền địa phương đã nhiều lần đến nơi ở của ông N để tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng ông N cố tình lẩn tránh. Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định pháp luật, ông N vẫn không đến Tòa án, vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ pháp luật: Bà Huỳnh Thị C yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Văn N. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là ly hôn. Ông Huỳnh Văn N có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện H1. Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H1, tỉnh Bình Thuận, được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bị đơn ông Huỳnh Văn N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông N.

2/ Về nội dung: Bà C với ông N cưới nhau năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận. Việc cưới nhau là do tìm hiểu. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau tại thôn 6, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận. Theo bà C, thời gian vợ chồng sống hạnh phúc được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là trong cuộc sống vợ chồng ông N có người phụ nữ khác, không còn quan tâm đến bà nữa. Mặc dù đã bỏ qua nhiều lần nhưng ông N vẫn chứng nào tật nấy. Nay bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn ông Huỳnh Văn N. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông N đến Tòa để hòa giải, nhưng ông N cố tình

lần tránh, vắng mặt không có lý do, nên Tòa không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tình cảm giữa bà C với ông N không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cuộc sống chung được. Do vậy yêu cầu được ly hôn của bà C là có căn cứ, nên chấp nhận.

Về con chung: Đã trưởng thành, bà C không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản và nợ: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị C phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Ông Huỳnh Văn N không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 70, 72, 73, Khoản 4 Điều 91, Điều 146, Khoản 4 Điều 147, Điều 207, Khoản 2 Điều 227, 228 Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên Xử:

1/ Về Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị C. Bà Huỳnh Thị C được ly hôn ông Huỳnh Văn N.

2/ Về con chung: Không yêu cầu giải quyết.

3/ Về tài sản và nợ: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về Án Phí: Bà Huỳnh Thị C phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. bà C đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004323 ngày 26/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H1, nên không phải nộp nữa.

Ông Huỳnh Văn N không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện H1;
- Chi cục THADS H.H1;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bạch Tuyết